

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy

Ông Trần Thanh Bá

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh L**, sinh năm 1968.

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

-Bị đơn: Ông **Đoàn Văn D**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L và ông D xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin miễn hòa giải, xét xử vắng mặt đề ngày 17/5/2023, bà Phạm Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông D là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/1985 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn, xung đột do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên bà và ông D đã sống ly thân từ năm 1989 đến nay.

Đến năm 1991 bà được phép xuất cảnh, định cư tại Hoa Kỳ theo diện con lai, còn ông D thì sống tại Việt Nam. Năm 1993, ông D đã sống chung như vợ chồng với người khác và có 03 người con chung cùng cư trú với ông D tại xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân 32 năm nay và ông D cũng đã chung sống như vợ chồng với người khác nên bà xin được ly hôn với ông D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc nên bà xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

- Bị đơn là ông Đoàn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt đề ngày 30/8/2023 với nội dung xin vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử và giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01, ngày 29/9/1985, nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà L trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt, dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên ông bà đã sống ly thân từ năm 1989. Đến năm 1991 bà L được phép xuất cảnh theo diện con lai. Hiện bà đang sinh sống tại Hoa Kỳ, còn ông D chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác tại xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L khởi kiện xin được ly hôn với ông D.

Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ, phù hợp pháp luật bởi lẽ mâu thuẫn giữa các bên đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã hơn 30 năm, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc bà L xin ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh L được ly hôn với ông Đoàn Văn D.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008807 ngày 05/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với bà Phạm Thị Thanh L thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy